

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai số liệu điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2026

GIÁM ĐỐC TRẠM Y TẾ PHƯỜNG AN HẢI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2026 của UBND phường An Hải về việc thành lập Trạm Y tế phường An Hải;

Căn cứ Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban Nhân dân phường về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trạm Y tế phường An Hải;

Căn cứ Quyết định số 1318/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2026 của UBND phường An Hải về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho Trạm Y tế phường An Hải;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính, tài chính, nhân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

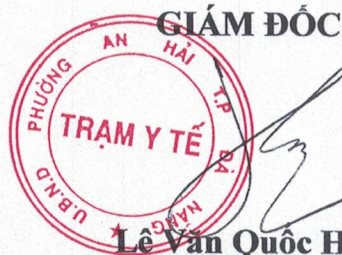
Điều 1. Công bố công khai số liệu phê duyệt giao dự toán chi ngân sách năm 2026 cho Trạm Y tế phường An Hải tại Quyết định số 1318/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2026, đính kèm Quyết định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính, tài chính, nhân sự và trưởng các khoa, phòng chuyên môn thuộc Trạm Y tế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này thực hiện. *XIII*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HCTCNS.



Số: 1318 /QĐ-UBND

An Hải, ngày 27 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho
Trạm Y tế phường An Hải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG AN HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 và các văn bản hướng dẫn
thi hành;

Căn cứ Nghị quyết số 1659/2025/UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã
của thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 133/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước
năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của
UBND thành phố về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc
phòng - an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2026 của
UBND thành phố về việc chuyển giao nhiệm vụ dự phòng, dân số và hoạt động
các Trạm Y tế xã, phường từ Trung tâm Y tế khu vực trực thuộc Sở Y tế thành
phố Đà Nẵng về Ủy ban nhân dân các xã, phường (từ ngày 01 tháng 7 năm
2026);

Căn cứ Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2026 của
UBND thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách
nhà nước năm 2026 của Sở Y tế và UBND các xã, phường;

Theo đề nghị của Giám đốc Trạm Y tế phường An Hải tại Công văn số
30/TYT-HCNS ngày 22 tháng 7 năm 2026 về việc đề nghị cấp dự toán ngân sách
nhà nước tại Trạm Y tế phường An Hải năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho Trạm Y tế
phường với tổng số tiền 6.060.034.073 đồng (Sáu tỷ, không trăm sáu mươi triệu,
không trăm ba mươi bốn ngàn, không trăm bảy mươi ba đồng) từ nguồn bổ sung
có mục tiêu ngân sách thành phố:

- Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ: 5.333.754.061 đồng
- Kinh phí chi thường xuyên giao không tự chủ: 726.280.012 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Giám đốc Trạm Y tế phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trưởng Kho bạc Nhà nước Khu vực XIII - Phòng giao dịch số 1 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /Au

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: VT, KTHĐT.



CHỦ TỊCH

Hoàng Công Thanh

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Mã loại dự toán	Mã ĐVQHNS	Mã Chương	Loại	Mã Khoản	Mã nguồn	Số tiền
	Tổng							
I	Kinh phí thực hiện tự chủ	02	1172861	823	130	131	13	6.060.034.073
1	Kinh phí chi tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp theo lương	02	1172861	823	130	131	13	4.149.317.484
2	Kinh phí chi hoạt động theo định mức	02	1172861	823	130	131	13	1.184.436.577
II	Kinh phí không thực hiện tự chủ	02	1172861	823	130			726.280.012
1		02	1172861	823	130	131	12	104.498.000
1.1	Kinh phí hỗ trợ hoạt động của TYT phường (Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025)							92
1.2	Kinh phí tiêm chủng mở rộng							
1.3	Kinh phí hoạt động sức khoẻ sinh sản							
1.4	Kinh phí phòng chống bệnh không lây nhiễm							
1.5	Kinh phí hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em							
2		02	1172861	823	130	132	12	196.495.861
2.1	Kinh phí đảm bảo kế hoạch tài chính phòng chống HIV							
2.2	Kinh phí thực hiện kế hoạch phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm							
3		02	1172861	823	130	151	12	31.000.000
3.1	Kinh phí hoạt động công tác dân số - phát triển							
3.2	Kinh phí hoạt động chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi thích ứng già hoá dân số							
4	Kinh phí tiên thường theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	02	1172861	823	130	131	18	394.286.151